

Số: /BC-THPTNVT

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Kết quả hoạt động thường niên của Trường THPT Nguyễn Văn Thoại**  
**tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025**

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng

Thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 Quy định công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường THPT Nguyễn Văn Thoại Báo cáo kết quả hoạt động thường niên của Trường THPT Nguyễn Văn Thoại tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Thoại.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: 132 Đô Đốc Lân, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3721888

Địa chỉ thư điện tử: [thptnguyenvanthoai@danang.gov.vn](mailto:thptnguyenvanthoai@danang.gov.vn)

Trang thông tin điện tử: <http://thptnguyenvanthoai.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Trường THPT Nguyễn Văn Thoại là trường THPT công lập, trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Đà Nẵng.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a) Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập có nề nếp, kỉ luật, trách nhiệm, văn minh và chất lượng tốt, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo.

b) Tầm nhìn: Là một trong những trường THPT có chất lượng của thành phố Đà Nẵng mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

c) Mục tiêu giáo dục

- Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về

chất lượng giáo dục; từng bước phân đầu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Mục tiêu cụ thể

+ **Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên:** 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn đào tạo, trong đó có 20 đến 25% giáo viên trên chuẩn. Ban Giám hiệu phân đầu 100% đạt trình độ trên chuẩn. Không có cán bộ, giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo máy tính, tích cực ứng dụng CNTT vào giảng dạy, kiểm tra đánh giá, quản lí. 100% cán bộ, giáo viên đổi mới phương pháp quản lí, sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, giảng dạy theo hướng phát triển năng lực của học sinh.

+ **Quy mô phát triển của học sinh:** theo Chiến lược phát triển Trường THPT Nguyễn Văn Thoại giai đoạn 2020 - 2025 đã được Sở GDĐT phê duyệt (Kế hoạch số 117/KH-THPTNVNT ngày 22/12/2020):

| Năm học<br>tuyển<br>sinh | Số<br>học<br>sinh | Số<br>lớp | Học lực |     |     |     |     | Hạnh kiểm   |     |     | Giải<br>HSG<br>TP | Tỉ lệ đỗ<br>TN | Tỉ lệ<br>đỗ CĐ-<br>ĐH |
|--------------------------|-------------------|-----------|---------|-----|-----|-----|-----|-------------|-----|-----|-------------------|----------------|-----------------------|
|                          |                   |           | Giỏi    | Khá | TB  | Yếu | Kém | Tốt-<br>khá | TB  | Yếu |                   |                |                       |
| 2020<br>-<br>2021        | 277               | 07        | 10%     | 40% | 50% | 0%  | 0%  | 90%         | 10% | 0%  | 3                 | 95%            | 0%                    |
| 2021<br>-<br>2022        | 597               | 15        | 10%     | 40% | 50% | 0%  | 0%  | 90%         | 10% | 0%  | 3                 | 95%            | 0%                    |
| 2022<br>-<br>2023        | 997               | 25        | 15%     | 40% | 45% | 0%  | 0%  | 95%         | 5%  | 0%  | 10                | 100%           | 70%                   |
| 2023<br>-<br>2024        | 1120              | 28        | 15%     | 40% | 45% | 0%  | 0%  | 95%         | 5%  | 0%  | 20                | 100%           | 70%                   |
| 2024<br>-<br>2025        | 1200              | 30        | 15%     | 50% | 35% | 0%  | 0%  | 950%        | 5%  | 0%  | 20                | 100%           | 70%                   |

+ **Cơ sở vật chất:** Phân đầu đến năm 2025 CSVC đạt yêu cầu của Trường THPT đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ dạy - học nhằm nâng cao hơn chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Trường THPT Nguyễn Văn Thoại được thành lập ngày 15 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng.

- Địa chỉ: 132 Đô Đốc Lân, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại,

địa chỉ thư điện tử.

Người đại diện: Ông Đặng Hùng Thương - Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: 132 Đô Đốc Lân, Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng.

Số điện thoại: 0905188863

Địa chỉ thư điện tử: [thuongdanghung@gmail.com](mailto:thuongdanghung@gmail.com)

#### 7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có)

Trường THPT Nguyễn Văn Thoại được thành lập ngày 15 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định số 1363/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Hội đồng trường Trường THPT Nguyễn Văn Thoại nhiệm kỳ 2020 - 2025 được kiện toàn theo Quyết định số 1382/QĐ-SGDĐT ngày 31/10/2024 của Sở GDĐT.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục

- Hiệu trưởng: ông Đặng Hùng Thương - Quyết định số 664/QĐ-SGDĐT ngày 22/7/2020 của Sở GDĐT về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý.

- Phó hiệu trưởng: ông Phan Hữu Thịnh - Quyết định số 665/QĐ-SGDĐT ngày 22/7/2020 của Sở GDĐT về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý.

- Phó hiệu trưởng: ông Nguyễn Châu - Quyết định số 343/QĐ- QĐ-SGDĐT ngày 05/4/2023 của Sở GDĐT về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Quy chế tổ chức và hoạt động: Quyết định số 19/QĐ-THPTNVNT ngày 21/10/2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường THPT Nguyễn Văn Thoại giai đoạn 2020 - 2025 theo Kế hoạch số 117/KH-THPTNVNT ngày 22/12/2020 và đã được Sở GDĐT phê duyệt.

Quy chế dân chủ: Quyết định số 114/QĐ-THPTNVNT ngày 03/7/2024 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ của Trường THPT Nguyễn Văn Thoại.

Nghị quyết của Hội đồng trường: Nghị quyết số 153/NQ-THPTNVNT ngày

12/9/2024 về việc phê duyệt các Kế hoạch của Trường THPT Nguyễn Văn Thoại, năm học 2024 - 2025.

Quy chế chi tiêu nội bộ: Quyết định số 03/QĐ-THPTNVNT ngày 05/01/2024 về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 166/QĐ-THPTNVNT về điều chỉnh bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 208/QĐ-THPTNVNT ngày 11/12/2024 về bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024.

Quy chế thi đua - khen thưởng: Quyết định số 21/QĐ-THPTNVNT ngày 21/10/2020 về việc ban hành Quy chế thi đua và khen thưởng.

Quy chế quản lý tài sản: Quyết định số 161/QĐ-THPTNVNT ngày 30/9/2024 về Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại Trường THPT Nguyễn Văn Thoại.

Quy chế tổ chức và hoạt động: Quyết định số 19/QĐ-THPTNVNT ngày 21/10/2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động.

Quy chế khen thưởng theo ND73/2024/ND-CP: Quyết định số 205/QĐ-THPTNVNT ngày 10/12/2024 về ban hành Quy chế khen thưởng theo ND73/2024/ND-CP.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Nhà trường hiện có 03 cán bộ quản lý, 63 giáo viên, 10 nhân viên được bố trí thành 09 Tổ. Trong đó, có 08 Tổ chuyên môn và 01 Tổ Văn phòng; có 01 giáo viên hợp đồng thai sản và 01 giáo viên hợp đồng trong chỉ tiêu.

| STT      | Nội dung                                              | Tổng số   | Trình độ đào tạo |           |           |          |          |          | Hạng chức danh nghề nghiệp |          |        |
|----------|-------------------------------------------------------|-----------|------------------|-----------|-----------|----------|----------|----------|----------------------------|----------|--------|
|          |                                                       |           | TS               | Th.S      | ĐH        | CĐ       | TC       | Dưới TC  | Hạng III                   | Hạng II  | Hạng I |
|          | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | <b>76</b> |                  | <b>24</b> | <b>45</b> | <b>1</b> | <b>1</b> | <b>5</b> |                            |          |        |
| <b>I</b> | <b>Giáo viên</b><br>Trong đó số giáo viên dạy môn:    | <b>63</b> |                  | <b>22</b> | <b>41</b> |          |          |          | <b>60</b>                  | <b>2</b> |        |
| 1        | Toán                                                  | 9         |                  | 3         | 6         |          |          |          | 8                          | 1        |        |
| 2        | Lí                                                    | 6         |                  | 3         | 3         |          |          |          | 6                          |          |        |
| 3        | Hóa                                                   | 4         |                  | 1         | 3         |          |          |          | 3                          | 1        |        |
| 4        | Sinh                                                  | 6         |                  | 5         | 1         |          |          |          | 6                          |          |        |
| 5        | Anh                                                   | 10        |                  | 5         | 5         |          |          |          | 10                         |          |        |
| 6        | Pháp + Nhật                                           |           |                  |           |           |          |          |          |                            |          |        |
| 7        | Văn                                                   | 9         |                  | 2         | 7         |          |          |          | 9                          |          |        |
| 8        | Sử                                                    | 4         |                  | 1         | 3         |          |          |          | 4                          |          |        |
| 9        | Địa                                                   | 3         |                  |           | 3         |          |          |          | 3                          |          |        |

|            |                                            |           |  |          |          |          |          |          |   |          |  |
|------------|--------------------------------------------|-----------|--|----------|----------|----------|----------|----------|---|----------|--|
| 10         | GDCD                                       | 2         |  |          | 2        |          |          |          | 2 |          |  |
| 11         | Thể dục + QPAN                             | 5         |  | 1        | 4        |          |          |          | 5 |          |  |
| 12         | Tin                                        | 3         |  | 1        | 2        |          |          |          | 3 |          |  |
| 13         | Công nghệ                                  | 1         |  |          | 1        |          |          |          | 1 |          |  |
| 14         | Âm nhạc                                    | 1         |  |          | 1        |          |          |          | 1 |          |  |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lí</b>                      | <b>3</b>  |  | <b>2</b> | <b>1</b> |          |          |          |   | <b>3</b> |  |
| 1          | Hiệu trưởng                                | 1         |  |          | 1        |          |          |          |   | 1        |  |
| 2          | Phó hiệu trưởng                            | 2         |  | 2        |          |          |          |          |   | 2        |  |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                           | <b>10</b> |  |          | <b>3</b> | <b>1</b> | <b>1</b> | <b>5</b> |   |          |  |
| 1          | Nhân viên văn thư                          | 1         |  |          | 1        |          |          |          |   |          |  |
| 2          | Nhân viên kế toán                          | 1         |  |          | 1        |          |          |          |   |          |  |
| 3          | Thủ quỹ                                    |           |  |          |          |          |          |          |   |          |  |
| 4          | Nhân viên y tế                             | 1         |  |          |          |          | 1        |          |   |          |  |
| 5          | Nhân viên thư viện                         | 1         |  |          | 1        |          |          |          |   |          |  |
| 6          | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm             | 1         |  |          |          | 1        |          |          |   |          |  |
| 7          | Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật |           |  |          |          |          |          |          |   |          |  |
| 8          | Nhân viên công nghệ thông tin              |           |  |          |          |          |          |          |   |          |  |
| 9          | Bảo vệ                                     | 3         |  |          |          |          |          | 3        |   |          |  |
| 10         | Phục vụ                                    | 2         |  |          |          |          |          | 2        |   |          |  |
| 11         | Vệ sinh                                    |           |  |          |          |          |          |          |   |          |  |
| 12         | Giám thị                                   |           |  |          |          |          |          |          |   |          |  |

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

- Cán bộ quản lý đạt chuẩn và trên chuẩn: 03/03, chiếm tỉ lệ 100%.
- Giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn: 63/63, chiếm tỉ lệ 100%.
- Nhân viên đạt chuẩn và trên chuẩn: 10/10, chiếm tỉ lệ 100%.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 76/76, chiếm tỉ lệ 100%.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Tổng diện tích mặt bằng 21.257m<sup>2</sup>; với quy mô hiện tại 28 lớp/1.241 học sinh (đầu năm học 2024-2025) thì bình quân 17,1m<sup>2</sup>/1 học sinh so với yêu cầu tối thiểu theo quy định 10m<sup>2</sup>/1 học sinh.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

- Phòng học: 15 phòng.

- Khu nhà đa năng.
- Sân bóng đá (01 sân lớn tương đương 03 sân mini).
- Phòng học môn Tin học: 02 phòng, có kết nối Internet.
- Phòng học bộ môn Vật lí, Hóa học, Sinh học đạt chuẩn.
- Phòng Tiếng Anh: 01 phòng, có kết nối Internet.
- Phòng Công nghệ: 01 phòng, có kết nối mạng.
- Phòng Thư viện : 01 phòng
- Phòng y tế: 01 phòng
- Văn phòng Đoàn thanh niên: 01 phòng.
- Văn phòng Công đoàn: 01 phòng
- Văn phòng HĐSP và phòng làm việc của lãnh đạo: 06 phòng.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;  
Trang thiết bị, dụng cụ dạy học đảm bảo theo quy định của Bộ GDĐT.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Sách giáo khoa lớp 10 được thực hiện theo 1587/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2022-2023.

- Sách giáo khoa lớp 11 được thực hiện theo 1061/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục trung học trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2023-2024.

- Sách giáo khoa lớp 12 được thực hiện theo 1055/QĐ-UBND ngày 23/5/2024 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 12 sử dụng trong cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng từ năm học 2024-2025 (phụ lục 18).

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

a) Trong năm học 2024-2025, Trường THPT Nguyễn Văn Thoại đã ban hành: Kế hoạch số 274/KH-THPTNVT ngày 10/9/2024 về Kế hoạch hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025; Quyết định số 117/ QĐ-THPTNVT ngày 21/5/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá năm học 2024-2025; Kế hoạch số 341/KH-THPTNVT ngày 06/11/2024 về Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025; Báo cáo số 203/BC-THPTNVT ngày 29/5/2025 của Trường THPT Nguyễn Văn Thoại về Báo cáo kết quả cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025.

Kết quả tự đánh giá năm học 2024-2025 như sau:

- Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.2            |           | x     | x     | ----- |
| Tiêu chí 1.3            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.4            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.5            |           | x     |       |       |
| Tiêu chí 1.6            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 1.7            |           | x     | x     | ----- |
| Tiêu chí 1.8            |           | x     | x     | ----- |
| Tiêu chí 1.9            |           | x     | x     | ----- |
| Tiêu chí 1.10           |           | x     | x     | ----- |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 2.2            |           | x     | x     |       |
| Tiêu chí 2.3            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 2.4            |           | x     | x     | x     |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 3.2            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 3.3            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 3.4            |           | x     | x     | ----- |
| Tiêu chí 3.5            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 3.6            |           | x     |       |       |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 4.1            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 4.2            |           | x     | x     | x     |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 5.1            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 5.2            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 5.3            |           | x     | x     | ----- |
| Tiêu chí 5.4            |           | x     | x     | ----- |
| Tiêu chí 5.5            |           | x     | x     | x     |
| Tiêu chí 5.6            |           | x     | x     | x     |

**Kết quả:** Đạt Mức 1

- Đánh giá tiêu chí Mức 4

| Tiêu chí | Kết quả | Ghi chú |
|----------|---------|---------|
|----------|---------|---------|

|                  | <b>Đạt</b> | <b>Không đạt</b> |  |
|------------------|------------|------------------|--|
| Khoản 1, Điều 22 |            | x                |  |
| Khoản 2, Điều 22 |            | x                |  |
| Khoản 3, Điều 22 |            | x                |  |
| Khoản 4, Điều 22 |            | x                |  |
| Khoản 5, Điều 22 | x          |                  |  |
| Khoản 6, Điều 22 |            | x                |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

- Kết luận: Trường đạt Mức 1. Cụ thể như sau:

- + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 1 là 28/28 tiêu chí đạt tỉ lệ 100%.
- + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 2 là 26/28 tiêu chí đạt tỉ lệ 92,9%.
- + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 3 là 17/20 tiêu chí đạt tỉ lệ 85%.
- + Số lượng và tỉ lệ các tiêu chí đạt Mức 4 là 1/6 tiêu chí đạt tỉ lệ 16,7 %.

b) Trong năm học 2024-2025, Trường THPT Nguyễn Văn Thoại đã ban hành: Kế hoạch số 274/KH-THPTNVT ngày 10/9/2024 về Kế hoạch hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng giáo dục năm học 2024-2025; Quyết định số 158/QĐ-THPTNVT ngày 18/9/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá năm học 2024 - 2025; Kế hoạch số 341/KH-THPTNVT ngày 06/11/2024 về Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024-2025; Quyết định số 117/QĐ-THPTNVT ngày 21/5/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá năm học 2024-2025; Báo cáo số 203/BC-THPTNVT ngày 29/5/2025 về Báo cáo kết quả cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024-2025. Kết quả cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

**Đối với tiêu chuẩn 1: Tổ chức quản lý Nhà trường**

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Nội dung công việc</b>                                                                                                  | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Người phụ trách hoặc người thực hiện</b> | <b>Kết quả thực hiện</b> |
|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|--------------------------|
| 1.1             | Rà soát kết quả giáo dục các năm học để bổ sung KH năm học 2024-2025 và điều chỉnh kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 | 9/2024                     | Hội đồng trường                             | Đã hoàn thành            |
| 1.2             | Tham mưu Sở GDĐT điều chỉnh bổ sung Hội đồng trường cho phù hợp thực tiễn                                                  | 10/2024                    | Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng                | Đã hoàn thành            |
| 1.3             | Triển khai cho tham gia các lớp đối tượng đảng, trung cấp chính trị,...                                                    | Năm học 2024-2025          | Chi ủy                                      | Đã hoàn thành            |
| 1.4             | Rà soát, sắp xếp và phân công lại các tổ chuyên môn cho phù hợp với thực tiễn                                              | 9/2024                     | Hiệu trưởng                                 | Đã hoàn thành            |
| 1.5             | Tiếp tục duy trì các nề nếp, hoạt động của lớp học. Nâng                                                                   | Năm học 2024-2025          | GVCN                                        | Đã hoàn thành            |



|      |                                                                                                                                                                              |                   |                                     |               |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|---------------|
|      | cao vai trò tự quản của ban cán sự lớp.                                                                                                                                      |                   |                                     |               |
| 1.6  | Triển khai đầu thầu căn tin, xã hội hóa màn hình tivi                                                                                                                        | 9, 10, 11/2024    | Phó Hiệu trưởng CSVC                | Đã hoàn thành |
| 1.7  | Tham mưu Sở GDĐT bố trí đủ giáo viên, nhân viên. Phân công lao động hợp lý.                                                                                                  | 9, 10/2024        | Hiệu trưởng                         | Đã hoàn thành |
| 1.8  | Cập nhật và triển khai kịp thời các văn bản của các cấp về việc chỉ đạo thực hiện, điều chỉnh kế hoạch chương trình giảng dạy và học tập trong năm học đến tất cả giáo viên. | Năm học 2024-2025 | Phó Hiệu trưởng chuyên môn          | Đã hoàn thành |
| 1.9  | Tiếp tục rà soát, điều chỉnh Quy chế dân chủ                                                                                                                                 | 9, 10/2024        | Hiệu trưởng                         | Đã hoàn thành |
| 1.10 | Tiếp tục duy trì hệ thống PCCC.<br>Triển khai các kế hoạch tuyên truyền, tập huấn,... về PCCC-CNCH, ATGT, an ninh trường học,...                                             | Năm học 2024-2025 | Phó Hiệu trưởng phụ trách ngoài giờ | Đã hoàn thành |

**Đối với tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

| Tiêu chí | Nội dung công việc                                                                                                                       | Thời gian thực hiện | Người phụ trách hoặc người thực hiện         | Kết quả thực hiện |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------|-------------------|
| 2.1      | Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng                                   | 9/2024              | Hiệu trưởng                                  | Đã hoàn thành     |
| 2.2      | Tổ chức tập huấn chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn, tổ chức các chuyên đề, nâng cao năng lực, trình độ đào tạo cho giáo viên              | 9/2024              | Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên              | Đã hoàn thành     |
| 2.3      | Xây dựng kế hoạch cho tổ văn phòng sinh hoạt theo chuyên đề để có điều kiện trao đổi thông tin, giúp đỡ nhau trong chuyên môn, nghiệp vụ | 9/2024              | Tổ Văn phòng                                 | Đã hoàn thành     |
| 2.4      | Xây dựng kế hoạch tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp nhằm phát triển giáo dục học sinh toàn diện            | 9/2024              | Phó Hiệu trưởng, nhân viên y tế, Đoàn trường | Đã hoàn thành     |

**Đối với tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học**

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Nội dung công việc</b>                                                                       | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Người phụ trách hoặc người thực hiện</b> | <b>Kết quả thực hiện</b> |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------------|--------------------------|
| 3.1             | Tiếp tục chăm sóc cây xanh, chèn chống bão, cắt cỏ, dọn vệ sinh,...<br>Duy tu, sửa chữa CSV     | Năm học 2024-2025          | Phó HT CSV,                                 | Đã hoàn thành            |
| 3.2             | Tiếp tục triển khai gói thiết bị bổ sung cho Trường THPT Nguyễn Văn Thoại                       | Năm học 2024-2025          | Phó HT CSV, Tổ công tác                     | Đã hoàn thành            |
| 3.3             | Kế hoạch trang trí phòng truyền thống                                                           | Năm học 2024-2025          | Phó HT CSV                                  | Đã hoàn thành            |
| 3.4             | Kiểm tra, sửa chữa các khu vệ sinh bị hỏng, hệ thống thoát nước.                                | 9, 10/2024                 | Phó HT CSV                                  | Đã hoàn thành            |
| 3.5             | Rà soát và kiên toàn hồ sơ sổ sách quản lý phòng học bộ môn, quản lý thiết bị, đồ dùng dạy học. | 9/2024                     | Tổ trưởng chuyên môn, Nhân viên thiết bị    | Đã hoàn thành            |
| 3.6             | Phát động phong trào đọc sách, ủng hộ sách để tăng số lượng bạn đọc và nguồn sách cho thư viện  | Năm học 2024-2025          | Nhân viên Thư viện                          | Đã hoàn thành            |

**Đối với tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Nội dung công việc</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Người phụ trách hoặc người thực hiện</b>                                                                                                          | <b>Kết quả thực hiện</b> |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 4.1             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát huy tốt mối quan hệ mật thiết giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS.</li> <li>- Tăng cường công tác phối hợp với các lực lượng xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS để đạt hiệu quả cao trong những năm tiếp theo.</li> <li>- Xây dựng và phát triển một hệ thống kỷ luật công bằng và minh bạch để học sinh biết rõ về quy tắc và hậu quả của hành vi của học sinh. Thảo luận với phụ huynh về các biện pháp kỷ</li> </ul> | - Năm học 2024 – 2025      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Giám hiệu và GVCN.</li> <li>- Ban Giám hiệu và GVCN.</li> <li>- Ban Giám hiệu, GVCN và PHHS.</li> </ul> | Đã hoàn thành            |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                       |                                                                                                           |               |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|     | luật và họ cũng nên tham gia vào quá trình giáo dục kỷ luật của con cái mình.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                       |                                                                                                           |               |
| 4.2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham mưu với chính quyền địa phương và cấp ủy Đảng, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường nhằm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, ngăn chặn triệt để bạo lực học đường.</li> <li>- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia vào các hoạt động phòng chống vi phạm an toàn giao thông, xây dựng lối sống tuân thủ pháp luật</li> </ul> | - Năm học 2024 – 2025 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Giám hiệu</li> <li>- Ban Giám hiệu, GVCN và PHHS.</li> </ul> | Đã hoàn thành |

#### **Đối với tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

| <b>Tiêu chí</b> | <b>Nội dung công việc</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Thời gian thực hiện</b>                         | <b>Người phụ trách hoặc người thực hiện</b>                                                         | <b>Kết quả thực hiện</b> |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 5.1             | - Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn chú trọng khai thác các nội dung trên trang web trường học kết nối trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của tổ.                                                                                                                                                            | Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo | - Tổ chuyên môn và bộ phận quản lí trang web.                                                       | Đã hoàn thành            |
| 5.2             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức các buổi ngoại khóa, các buổi hội nghị học tốt để hướng dẫn học sinh xác định mục tiêu học tập, xây dựng ước mơ cho tương lai của mình.</li> <li>- Giáo viên cần tăng cường đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực của học sinh.</li> </ul> | Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo | - Tổ chuyên môn và GVBM                                                                             | Đã hoàn thành            |
| 5.3             | - Xây dựng kế hoạch và đề ra các biện pháp tích cực để hoàn thành tốt chương trình năm học do Bộ GD&ĐT đã                                                                                                                                                                                                        | Trong năm học 2024-2025 và những năm               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- BGH nhà trường</li> <li>- Tổ chuyên môn và GVBM</li> </ul> | Đã hoàn thành            |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                    |                                             |               |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------|
|     | đề ra.<br>- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy và thực hiện các hoạt động giáo dục trong nhà trường.<br>- GVBM bồi dưỡng học sinh giỏi phải xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn.<br>- Huy động sự hỗ trợ của các cấp, các ngành, các mạnh thường quân hỗ trợ trang thiết bị dạy học. | học tiếp theo                                      |                                             |               |
| 5.4 | - Đẩy mạnh công tác tổ chức hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp cho học sinh các khối lớp.<br>- Mời các chuyên gia tư vấn hướng nghiệp có uy tín, để các buổi tổ chức hoạt động hướng nghiệp của nhà trường thu hút được sự quan tâm chú ý hơn của học sinh.                                                                  | Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo | - Tổ chuyên môn và GVBM                     | Đã hoàn thành |
| 5.5 | - Xây dựng kế hoạch cụ thể cho công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh                                                                                                                                                                                                                                                      | Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo | - BGH nhà trường<br>- Tổ chuyên môn và GVBM | Đã hoàn thành |

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Trường đang hoàn thiện hồ sơ để đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Theo Quyết định số 1022/QĐ-SGDĐT ngày 09/09/2024 của Sở GDĐT về việc Phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển vào lớp 10 Trường THPT Nguyễn Văn Thoại năm học 2024-2025: nhà trường đã tuyển sinh 440 học sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025.

Năm học 2024-2025, toàn trường có 28 lớp: 10 lớp 10, 09 lớp 11, 09 lớp 12, tổng số HS toàn trường là: 1241 học sinh (tính theo thời điểm báo cáo đầu năm học

2024-2025). Cụ thể như sau:

| STT       | Học sinh                                                        | Đơn vị tính | Tổng số |     |                  |    |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|-------------|---------|-----|------------------|----|
|           |                                                                 |             | Tổng số | Nữ  | Dân tộc thiểu số |    |
|           |                                                                 |             |         |     | Tổng             | Nữ |
| <b>1.</b> | <b>Tổng quy mô</b>                                              | người       | 1.241   | 643 | 3                |    |
| <b>2.</b> | <b>Quy mô chia theo vùng:</b>                                   |             | 1.241   | 643 | 3                |    |
|           | - Trung du, đồng bằng, thành phố                                | người       | 1.241   | 643 | 3                |    |
|           | - Miền núi vùng sâu, hải đảo                                    | người       |         |     |                  |    |
|           | <i>Trong đó : Học sinh ở khu vực thành thị</i>                  | người       | 1.241   | 643 | 3                |    |
| <b>3.</b> | <b>Quy mô chia ra theo lớp</b>                                  |             | 1.241   | 643 | 3                |    |
|           | - Học sinh lớp 10                                               | người       | 446     | 237 | 2                |    |
|           | - Học sinh lớp 11                                               | người       | 400     | 204 | 1                |    |
|           | - Học sinh lớp 12                                               | người       | 395     | 202 |                  |    |
| <b>4.</b> | <b>Quy mô chia ra theo độ tuổi</b>                              |             | 1.241   | 643 | 3                |    |
|           | - Dưới 15 tuổi                                                  | người       |         |     |                  |    |
|           | - 15 tuổi                                                       | người       | 440     | 234 | 1                |    |
|           | - 16 tuổi                                                       | người       | 398     | 203 | 2                |    |
|           | - 17 tuổi                                                       | người       | 397     | 203 |                  |    |
|           | - Trên 17 tuổi                                                  | người       | 6       | 3   |                  |    |
|           | <b>Trong đó học sinh đi học đúng tuổi</b>                       |             | 1.224   | 635 | 2                |    |
|           | - Học sinh 15 tuổi học lớp 10                                   | người       | 440     | 234 | 1                |    |
|           | - Học sinh 16 tuổi học lớp 11                                   | người       | 393     | 201 | 1                |    |
|           | - Học sinh 17 tuổi học lớp 12                                   | người       | 391     | 200 |                  |    |
| <b>5.</b> | <b>Trong tổng quy mô có:</b>                                    |             | 1.241   | 643 | 3                |    |
|           | - Học sinh mới tuyển đầu cấp                                    | người       | 446     | 237 | 2                |    |
|           | - Học sinh lưu ban năm học trước đang học lại trong năm học này | người       |         |     |                  |    |
|           | + Lưu ban lớp 10                                                | người       |         |     |                  |    |
|           | + Lưu ban lớp 11                                                | người       |         |     |                  |    |
|           | + Lưu ban lớp 12                                                | người       |         |     |                  |    |
|           | - Học sinh học 2 buổi/ngày                                      | người       |         |     |                  |    |
|           | - Học sinh dân tộc nội trú                                      | người       |         |     |                  |    |
|           | - Học sinh khuyết tật học hòa nhập                              | người       | 17      | 6   |                  |    |
|           | <i>Trong đó :</i>                                               |             |         |     |                  |    |
|           | + Khuyết tật về nhìn                                            | người       |         |     |                  |    |
|           | + Khuyết tật về nghe, nói                                       | người       | 1       |     |                  |    |
|           | + Khuyết tật về trí tuệ                                         | người       | 9       | 4   |                  |    |
|           | + Khuyết tật về vận động                                        | người       | 4       | 1   |                  |    |

|           |                                                              |       |       |     |   |  |
|-----------|--------------------------------------------------------------|-------|-------|-----|---|--|
|           | + Khuyết tật thần kinh, tâm thần                             | người | 2     | 1   |   |  |
|           | - Học sinh khuyết tật học chuyên biệt                        | người |       |     |   |  |
|           | Trong đó :                                                   |       |       |     |   |  |
|           | + Khuyết tật về nhìn                                         | người |       |     |   |  |
|           | + Khuyết tật về nghe, nói                                    | người |       |     |   |  |
|           | + Khuyết tật về trí tuệ                                      | người |       |     |   |  |
|           | + Khuyết tật về vận động                                     | người |       |     |   |  |
|           | + Khuyết tật thần kinh, tâm thần                             | người |       |     |   |  |
|           | - Học sinh học tin học                                       | người | 644   | 268 | 2 |  |
|           | - Học sinh được tư vấn giáo dục hướng nghiệp                 | người | 1.241 | 643 | 3 |  |
| <b>6.</b> | <b>Học sinh thuộc đối tượng chính sách</b>                   | người | 27    | 12  | 2 |  |
| 6.1       | Học sinh được miễn học phí                                   | người | 27    | 12  | 2 |  |
| 6.2       | Học sinh được giảm học phí                                   | người |       |     |   |  |
| 6.3       | Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập                         | người | 27    | 12  | 2 |  |
| 6.4       | - Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được hỗ trợ học tập | người |       |     |   |  |
| 6.5       | Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo                            | người |       |     |   |  |

2. Thông kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

a) Kết quả xếp loại học tập năm học 2024-2025

| Khối lớp         | Kết quả học tập |     |        |     |        |     |        |          |        |
|------------------|-----------------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|----------|--------|
|                  | Tổng số HS ĐG   | Tốt |        | Khá |        | Đạt |        | Chưa đạt |        |
|                  |                 | SL  | TL (%) | SL  | TL (%) | SL  | TL (%) | SL       | TL (%) |
| TỔNG TOÀN TRƯỜNG | 1236            | 582 | 47.09  | 615 | 49.76  | 39  | 3.16   | 0        | 0      |
| KHỐI 10          | 444             | 164 | 36.94  | 260 | 58.56  | 20  | 4.5    |          |        |
| KHỐI 11          | 398             | 224 | 56.28  | 163 | 40.95  | 11  | 2.76   |          |        |
| KHỐI 12          | 394             | 194 | 49.24  | 192 | 48.73  | 8   | 2.03   |          |        |

b) Kết quả xếp loại rèn luyện năm học 2024-2025

| Khối lớp         | Kết quả rèn luyện |      |        |     |        |     |        |          |        |
|------------------|-------------------|------|--------|-----|--------|-----|--------|----------|--------|
|                  | Tổng số HS ĐG     | Tốt  |        | Khá |        | Đạt |        | Chưa đạt |        |
|                  |                   | SL   | TL (%) | SL  | TL (%) | SL  | TL (%) | SL       | TL (%) |
| TỔNG TOÀN TRƯỜNG | 1236              | 1185 | 95.87  | 43  | 3.48   | 8   | 0.65   | 0        | 0      |

|              |     |     |       |    |      |   |      |  |  |
|--------------|-----|-----|-------|----|------|---|------|--|--|
| TỔNG KHỐI 10 | 444 | 435 | 97.97 | 8  | 1.8  | 1 | 0.23 |  |  |
| TỔNG KHỐI 11 | 398 | 385 | 96.73 | 10 | 2.51 | 3 | 0.75 |  |  |
| TỔNG KHỐI 12 | 394 | 365 | 92.64 | 25 | 6.35 | 4 | 1.02 |  |  |

c) Danh hiệu cuối năm học 2024-2025

| Khối lớp                | Danh hiệu |             |            |              |
|-------------------------|-----------|-------------|------------|--------------|
|                         | HSXS      |             | HSG        |              |
|                         | SL        | TL (%)      | SL         | TL (%)       |
| <b>TỔNG TOÀN TRƯỜNG</b> | <b>71</b> | <b>5.74</b> | <b>507</b> | <b>41.02</b> |
| TỔNG KHỐI 10            | 12        | 2.7         | 151        | 34.01        |
| TỔNG KHỐI 11            | 41        | 10.3        | 182        | 45.73        |
| TỔNG KHỐI 12            | 18        | 4.57        | 174        | 44.16        |

c) Tỷ lệ học sinh lên lớp: 100% học sinh được lên lớp.

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Số lượng học sinh tốt nghiệp năm học 2023-2024 là 308/309 học sinh, chiếm tỷ lệ 99,7%. Số lượng học sinh trúng tuyển Đại học (đợt 1) là 256/281 học sinh đăng ký xét tuyển, chiếm tỷ lệ 91,1%.

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Tình hình tài chính của Trường

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác): 12.146.064.050 đồng

Trong đó:

- Kinh phí thường xuyên/tự chủ: 11.293.111.0000đồng
- Kinh phí không thường xuyên: 852.953.050 đồng

### b) Các khoản chi phân theo:

Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 9.187.404.217đồng

Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...): 2.058.856.703đồng

Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...): 300.440.000 đồng

Chi khác: 526.771.784 đồng

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc đối tượng mồ côi cả cha lẫn mẹ, học sinh khuyết tật không thuộc hộ nghèo, cận nghèo, học sinh thuộc diện hộ nghèo với số tiền: 20.400.000 đồng

Hỗ trợ học bổng và mua sắm phương tiện đồ dùng dạy học cho học sinh khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo với số tiền: 15.688.000 đồng

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

- Chi bộ Trường THPT Nguyễn Văn Thoại: được công nhận Chi bộ xuất sắc 3 năm liên 2022, 2023, 2024;

- Trường THPT Nguyễn Văn Thoại được Sở GDĐT công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm học 2023 - 2024 và được Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm học 2023 - 2024; Bằng khen của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng: đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2023 - 2024;

- Công đoàn: được đánh giá Công đoàn vững mạnh xuất sắc năm học năm học 2024 - 2025;

- Đoàn thanh niên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024 - 2025;

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động thường niên của Trường THPT Nguyễn Văn Thoại tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Niêm yết;
- Thông báo, Web;
- Lưu: VT, VP.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đặng Hùng Thương**